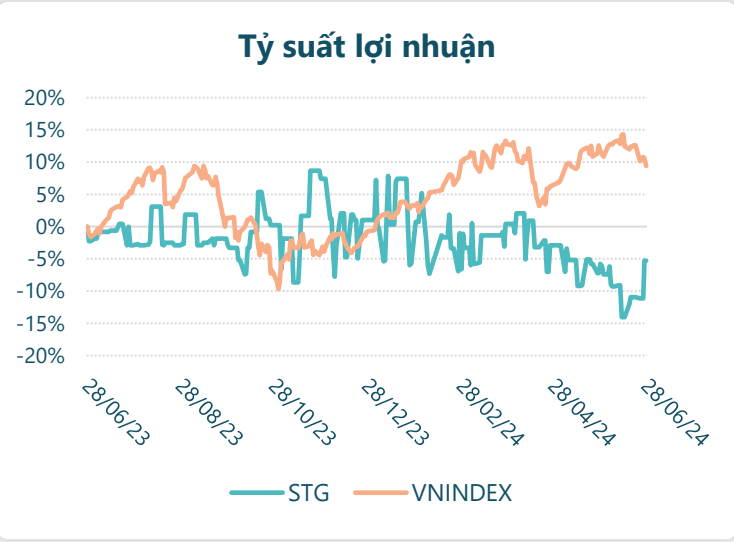


Ngày	45,850 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.3%	-5.7%	-6.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	41,600 - 52,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,505
Số lượng CPLH (CP)	98,253,357
KLGD BQ 20 phiên (CP)	360
Sở hữu nước ngoài	30.0%
Beta	(0.14)
EPS	1,714
P/E	26.8



Doanh thu thuần
Q2/24

610

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 134 | 28.2%

YoY: ▲ 156 | 34.5%

Nợ/VCSH
Q2/24

25.2%

YoY: +/- ▼ 0.9%

LN gộp
Q2/24

87.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.50 | 4.2%

YoY: ▲ 42.3 | 93.0%

ROE (TTM)
Q2/24

7.4%

YoY: +/- ▼ 0.6%

LN trước thuế
Q2/24

60.2

tỷ VNĐ

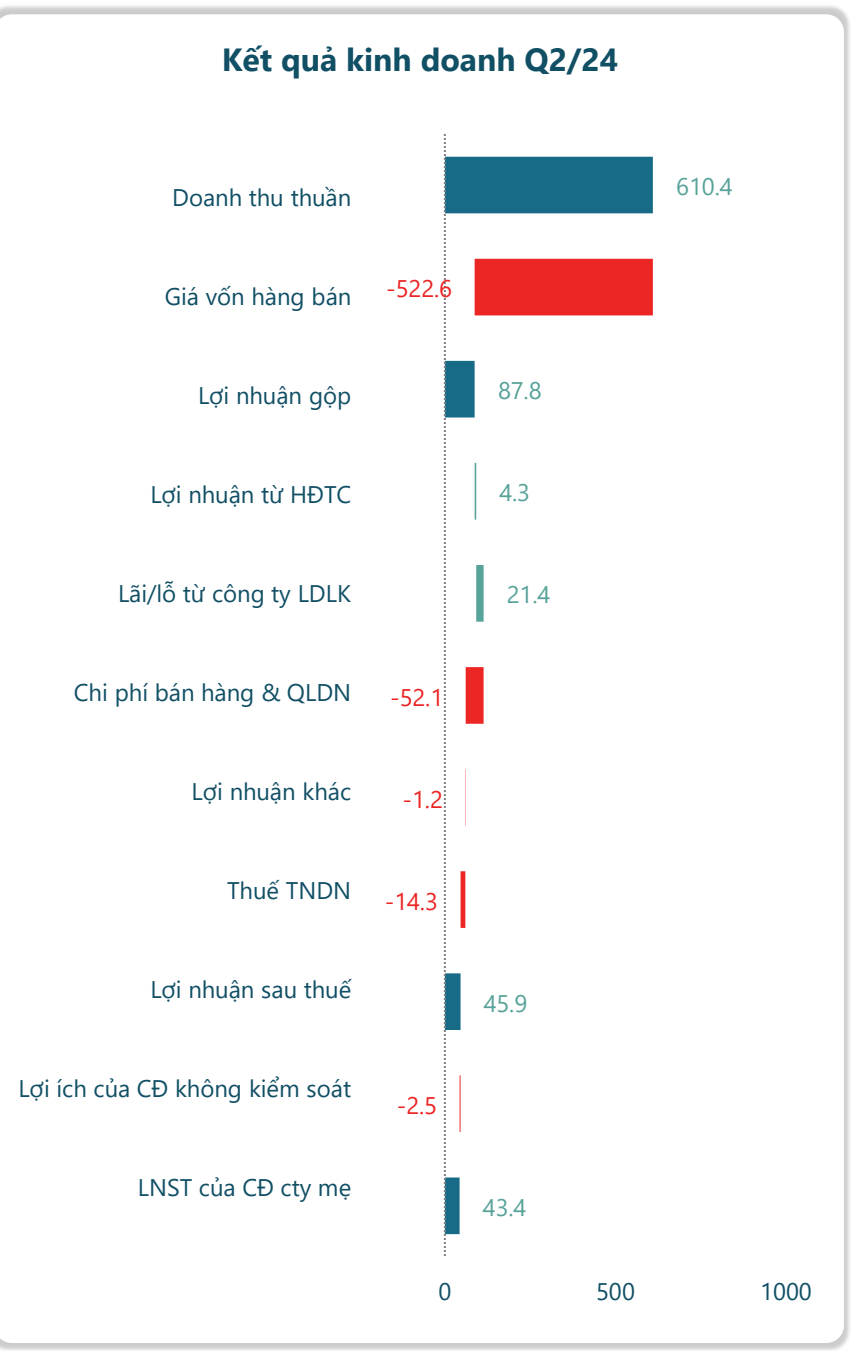
QoQ: ▲ 3.50 | 6.2%

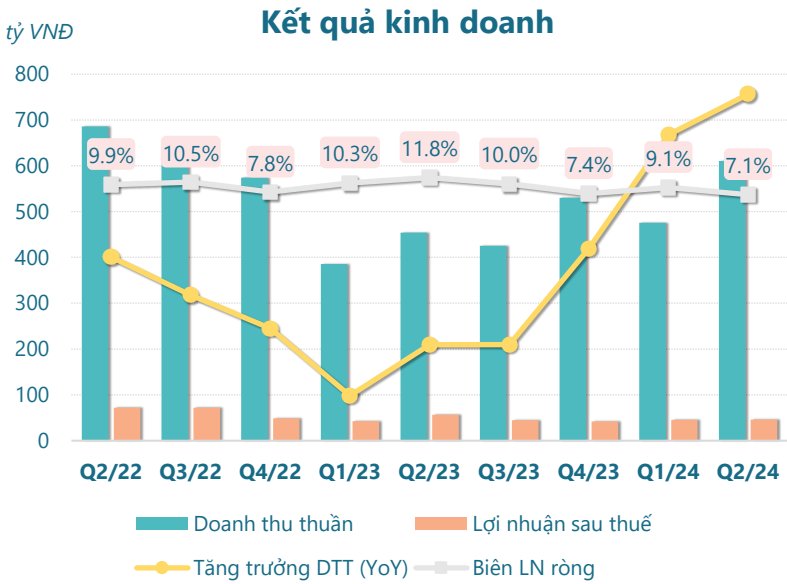
YoY: ▼ 6.80 | -10.1%

ROA (TTM)
Q2/24

5.9%

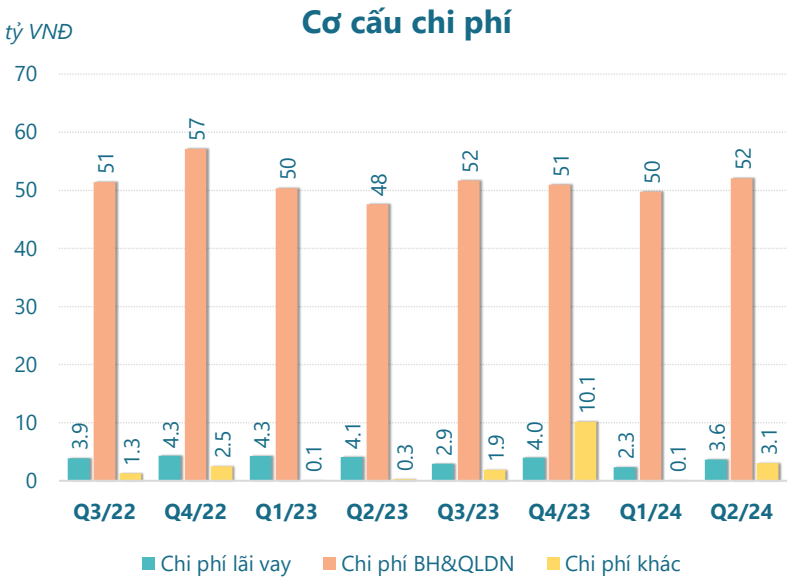
YoY: +/- ▼ 0.4%





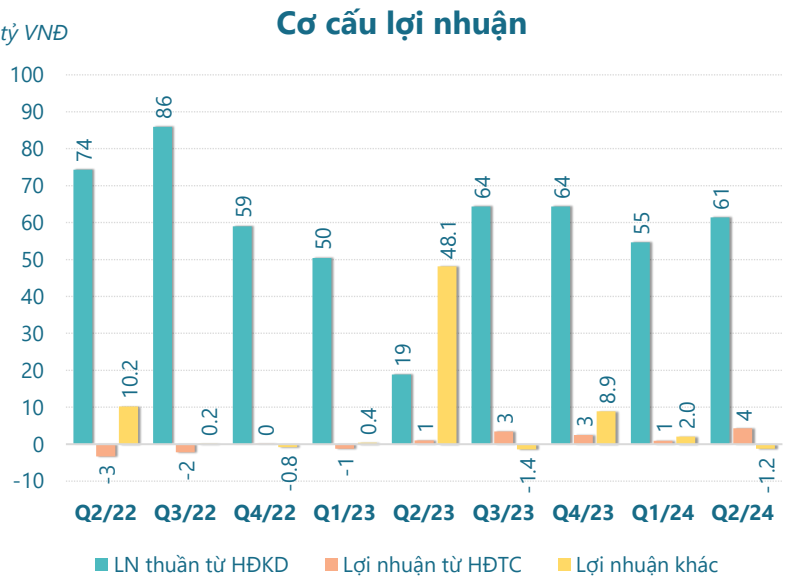
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 61.42 tỷ đồng**, tăng thêm 12.4% so với kỳ trước và cao hơn 225% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 4.31 tỷ đồng**, tăng thêm 344% so với kỳ trước và cao hơn 318% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 1.22 tỷ đồng** giảm đi 160% so với kỳ trước và thấp hơn 103% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **STG** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **610.4 tỷ đồng** tăng thêm **34.5%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 45.94 tỷ đồng**, **giảm sút 18.8%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,086 tỷ đồng** cao hơn 29.4% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 92.00 tỷ đồng** thấp hơn 7.07% so với cùng kỳ năm trước.



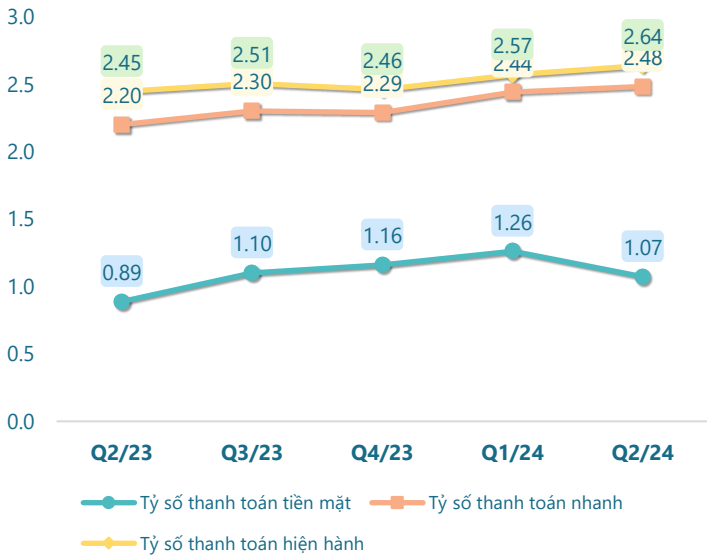
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **3.64 tỷ đồng** tăng thêm 56.9% so với kỳ trước và thấp hơn 11.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **52.08 tỷ đồng** tăng thêm 4.64% so với kỳ trước và cao hơn 9.41% so với cùng kỳ năm trước.

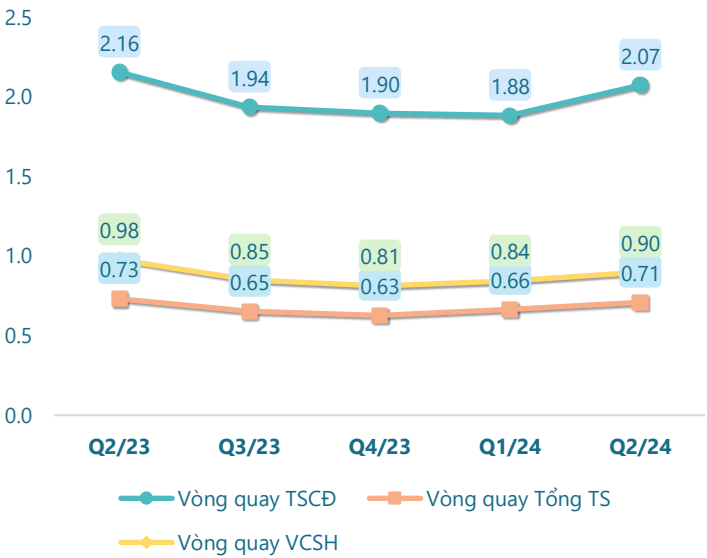
Chi phí khác bằng **3.05 tỷ đồng** tăng thêm 4257% so với kỳ trước và cao hơn 1030% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	610	476	28.2%	454	34.5%	1,086	839	29.4%
Giá vốn hàng bán	523	391	33.7%	408	28.1%	914	704	29.9%
Lợi nhuận gộp	87.8	84.3	4.2%	45.5	93.0%	172	135	27.1%
Doanh thu HĐTC	8.32	3.51	137%	5.66	47.0%	11.8	8.97	31.9%
Chi phí TC	4.01	2.54	58.0%	4.64	-13.5%	6.55	9.14	-28.3%
Chi phí lãi vay	3.64	2.32	56.8%	4.10	-11.3%	5.96	8.38	-28.9%
LN trong công ty LKLD	21.4	19.1	11.8%	19.9	7.3%	40.5	32.0	26.5%
Chi phí bán hàng	20.2	18.3	10.4%	18.7	8.0%	38.5	37.5	2.7%
Chi phí QLDN	31.9	31.5	1.2%	28.9	10.3%	63.3	60.5	4.7%
LN thuần từ HĐKD	61.4	54.6	12.5%	18.9	225%	116	69.3	67.6%
Lợi nhuận khác	-1.22	2.05	-159%	48.1	-103%	0.83	48.5	-98.3%
LN trước thuế	60.2	56.7	6.2%	67.0	-10.1%	117	118	-0.8%
Lợi nhuận sau thuế	45.9	45.7	0.5%	56.6	-18.8%	91.6	99.0	-7.5%
LNST của CĐ cty mẹ	43.4	43.1	0.8%	53.4	-18.6%	86.5	93.2	-7.1%

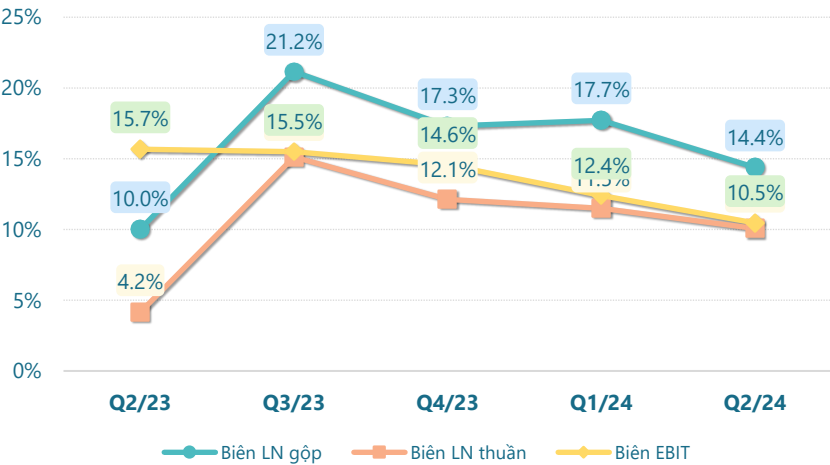
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

